

Số: 37/2026/QĐST-DS

Đồng Tháp, ngày 13 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 389/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Đình Q, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T là Luật sư Tăng Thị L của Văn phòng Luật sư Tăng Thị L thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Bé T1 (con bà T), sinh năm 20/10/1989;

2/ Chị Trần Thành N (con bà T), sinh ngày 28/4/1998;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Bà Phạm Thị S (con bà L1), sinh năm 1961;

4/ Ông Phạm Đình Q (con bà L1), sinh năm 1966;

5/ Bà Phạm Thị T2 (con bà L1), sinh năm 1968;

6/ Bà Phạm Thị T3 (con bà L1), sinh năm 1971;

7/ Bà Nguyễn Thị Thu V (con bà L1), sinh năm 1975;

8/ Ông Nguyễn Thành T4 (con bà L1), sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

9/ UBND xã T.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật là bà Đào Ngọc B, Chức vụ: Chủ tịch UBND xã T.

## 2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Công nhận phần ranh giới QSDĐ của thửa số 12, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.620,1m<sup>2</sup> được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà L1 đứng tên vào năm 2014 giáp ranh với ranh giới QSDĐ của thửa số 04 và 53 do bà T và anh T1 (đang quản lý, sử dụng) theo sơ đồ đo đạc ngày 16/3/2026 là một đường thẳng từ vị trí mốc 10 đến mốc 11 và mốc 01 (chiều dài 60,31 mét) (có sơ đồ đo đạc ngày 16/3/2026 kèm theo).

2.2 Công nhận giấy tay mua bán đề ngày 03/10/2016 giữa ông Phạm Đình Q với bà Trần Thị T.

Công nhận sự tự nguyện, đồng ý của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị L1 gồm: Bà Phạm Thị S, ông Phạm Đình Q, bà Phạm Thị T2, bà Phạm Thị T3, bà Nguyễn Thị Thu V và ông Nguyễn Thành T4 giao và chuyển nhượng QSDĐ diện tích 1.296m<sup>2</sup> nằm trong phạm vi các mốc: Từ mốc 10 đến mốc 11, 01, 02, 09 và về mốc 10 (theo sơ đồ đo đạc ngày 16/3/2026) cho bà Trần Thị T. Bà Trần Thị T được quyền sử dụng đất 1.296m<sup>2</sup> nằm trong phạm vi các mốc: Từ mốc 10 đến mốc 11, 01, 02, 09 và về mốc 10 (theo sơ đồ đo đạc ngày 16/3/2026).

Trong trường hợp những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị L1 gồm: Bà Phạm Thị S, ông Phạm Đình Q, bà Phạm Thị T2, bà Phạm Thị T3, bà Nguyễn Thị Thu V và ông Nguyễn Thành T4 không xác lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất thì đề nghị Ủy ban nhân dân xã T thu hồi một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.296m<sup>2</sup> thuộc thửa 12, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp) đã cấp cho hộ bà Lê Thị L1 đứng tên vào năm 2014 để cấp lại cho bà Trần Thị T.

Bà Trần Thị T được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất diện tích 1.296m<sup>2</sup> nằm trong phạm vi các mốc: Từ mốc 10 đến mốc 11, 01, 02, 09 và về mốc 10 (theo sơ đồ đo đạc ngày 16/3/2026) theo quy định pháp luật.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Phạm Đình Q, bà Trần Thị T tự nguyện chịu. Ông Q, bà T đã thanh toán xong.

## 4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị L1 gồm: Bà Phạm Thị S, ông Phạm Đình Q, bà Phạm Thị T2, bà Phạm Thị T3, bà Nguyễn

Thị Thu V và ông Nguyễn Thành T4 đồng ý liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm 450.000đồng (Trong đó gồm: 150.000đồng là tiền án phí về việc công nhận ranh giới QSDĐ của thửa số 12 do bà L1 đứng tên trên giấy chứng nhận QSDĐ được cấp vào năm 2014 giáp ranh với QSDĐ của thửa đất số 04 và 53 do bà T và anh T1 (đang quản lý, sử dụng); 150.000đồng là tiền án phí về việc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị L1 đồng ý giao và chuyển nhượng QSDĐ diện tích 1.296m<sup>2</sup> cho bà Trần Thị T; 150.000đồng là tiền án phí công nhận giấy tay mua bán đề ngày 03/10/2016 giữa ông Q với bà T) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 373.000đồng theo biên lai số BI/2019/0009498 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Đồng Tháp). Vậy, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị L1 gồm: Bà Phạm Thị S, ông Phạm Đình Q, bà Phạm Thị T2, bà Phạm Thị T3, bà Nguyễn Thị Thu V và ông Nguyễn Thành T4 còn phải liên đới nộp 77.000đồng (Bảy mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Văn Cư**